

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**



---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 03 năm 2013*

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	10 - 21

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Báo cáo của Ban Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam:

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (gọi tắt "Công ty") là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/10/2012 với mã số doanh nghiệp 0102345275. Theo đó:

Tên viết tắt: VINALINES LOGISTICS.,JSC

Vốn điều lệ của Công ty là: 142.121.300.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai tỷ một trăm hai một triệu ba trăm ngàn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

(Bằng chữ: Mười ngàn đồng)

Trụ sở chính : P405 tầng 4 Tòa nhà Ocean Park số 1 Đào Duy Anh Q.Đống Đa TP Hà Nội

Danh sách cổ đông đã góp vốn tính đến thời điểm 31/12/2012:

Nội Dung	Loại cổ phần	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ % góp vốn
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Phổ thông	8.061.620	80.616.200.000	56%
Cổ đông khác	Phổ thông	6.150.510	61.505.100.000	44%
<b>Cộng</b>		<b>14.212.130</b>	<b>142.121.300.000</b>	<b>100%</b>

### Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;  
Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa;  
Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;  
Cho thuê phương tiện, thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa;  
Vận tải đa phương thức;  
Vận tải hàng hóa, Container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ, đường sắt, đường biển;  
Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;  
Dịch vụ môi giới hàng hải;  
Dịch vụ đại lý Container;  
Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường bộ, đường sắt, đường hàng không;  
Dịch vụ đại lý tàu biển;  
Dịch vụ khai thuê Hải quan;  
Giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất khẩu;  
Lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh và kho khác;  
Bốc xếp hàng hóa;

Dịch vụ Logistics;

**Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo này gồm:**

- |                         |                   |
|-------------------------|-------------------|
| 1 Ông Mai Lê Lợi        | Tổng Giám đốc     |
| 2 Ông Nguyễn Việt Anh   | Phó Tổng giám đốc |
| 3 Ông Phạm Bá Ngân      | Phó Tổng giám đốc |
| 4 Bà Phạm Thị Quý Quyên | Kế toán trưởng    |

**2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

**3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây**

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính năm 2012 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách Kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

**Dại diện**

**Đại diện Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam**



**Tổng Giám đốc**

**Mai Lê Lợi**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013*

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày....tháng....năm.....



T/Ư TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

*Vũ Thị Phương*



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

# AICA

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Số: 79 /2013/BCKT/BCTC-CPA HANOI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam cho năm tài chính 2012 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập ngày 20/02/2013.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Ban Giám đốc Công ty.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

**Kiểm toán viên**



**Lê Văn Dò**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**



**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV*

11/01/2013 10:00 AM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.655.238.785</b>	<b>93.800.022.864</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.127.536.401	20.017.642.802
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.100.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.100.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	27.280.034.963	49.990.766.769
1. Phải thu khách hàng	131		20.248.788.689	40.255.417.502
2. Trả trước cho người bán	132		1.383.143.341	609.842.702
3. Các khoản phải thu khác	135		5.648.102.933	9.125.506.565
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	22.147.667.421	7.791.613.293
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.494.548.078	5.893.694.901
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.081.316	19.119.389
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.652.038.027	1.878.799.003
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>130.981.208.217</b>	<b>115.489.639.358</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.576.249.117	109.078.950.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	35.541.765.328	24.190.607.929
- Nguyên giá	222		45.382.398.538	30.414.166.755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.840.633.210)	(6.223.558.826)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	85.034.483.789	84.888.342.315
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.032.820.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.07	7.032.820.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.08	3.372.139.100	5.410.689.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		172.139.100	189.319.114
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.200.000.000	5.221.370.000
<b>TỔNG CÔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>201.636.447.002</b>	<b>209.289.662.222</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)

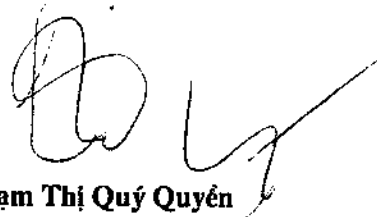
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.194.155.649</b>	<b>51.997.781.396</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.719.235.911</b>	<b>30.473.353.022</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	-	9.372.600.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	16.193.997.030	10.348.147.200
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	1.488.001.460	1.003.637.328
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	5.005.620.226	6.900.261.908
5. Phải trả công nhân viên	315	V.13	547.910.319	482.000.000
6. Chi phí phải trả	316	V.14	-	164.020.500
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	7.199.053.592	2.202.686.086
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(715.346.716)	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>			<b>14.474.919.738</b>	<b>21.524.428.374</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	14.474.919.738	21.424.752.210
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	99.676.164
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>157.442.291.353</b>	<b>157.291.880.826</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>157.442.291.353</b>	<b>157.291.880.826</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(500.000.000)	(500.000.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.097.591.583
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.169.293.338	5.169.293.338
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.262.069.885	1.210.396.445
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		250.447.474	53.765.655
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.139.180.656	8.139.533.805
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>201.636.447.002</b>	<b>209.289.662.222</b>

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quý Quyên




Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

Mai Lê Lợi

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)



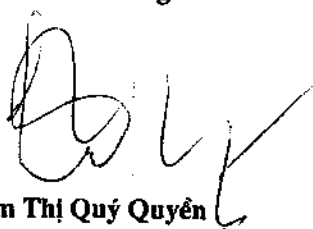
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

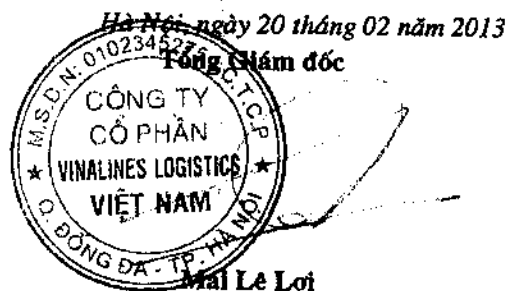
Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	3.288.440.791.978	2.295.011.698.663
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.20	3.288.440.791.978	2.295.011.698.663
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	3.273.370.666.024	2.286.186.961.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		15.070.125.954	8.824.737.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	2.955.903.488	8.531.212.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	717.499.580	612.872.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		625.970.363	611.917.662
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	5.455.868.926	6.160.274.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.852.660.936	10.582.802.154
11. Thu nhập khác	31	VI.25	101.596.164	16.206.000
12. Chi phí khác	32		-	22.731.810
13. Lợi nhuận khác	40		101.596.164	(6.525.810)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.954.257.100	10.576.276.344
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.26	2.666.076.444	2.644.069.086
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.288.180.656	7.932.207.258
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			654	558

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quý Quyên



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

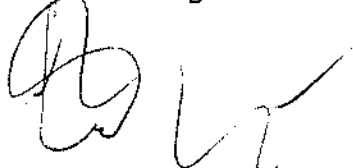
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	189.426.963.306	131.488.907.789
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(62.521.196.934)	(95.518.824.922)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.291.107.835)	(7.431.759.506)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(625.970.363)	(5.194.653.592)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.312.147.009)	(2.761.443.039)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.735.917.481	14.780.934.188
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(124.966.291.700)	(67.812.426.821)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.446.166.946</b>	<b>(32.449.265.903)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(774.976.583)	(3.163.613.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.920.000	15.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(88.932.820.000)	(370.200.241.688)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	92.800.000.000	420.033.908.354
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.031.569.513	8.277.092.526
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.125.692.930</b>	<b>54.962.145.972</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	(499.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	9.282.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.322.432.472)	(6.324.832.472)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.390.724.600)	(8.390.724.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.461.966.277)</b>	<b>(5.931.957.072)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.890.106.401)</b>	<b>16.580.922.997</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>20.017.642.802</b>	<b>2.933.565.756</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>503.154.049</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>15.127.536.401</b>	<b>20.017.642.802</b>

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quý Quyên



Mai Lê Lợi

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của BCTC)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (gọi tắt "Công ty") là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/08/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/10/2012 với mã số doanh nghiệp 0102345275. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: 142.121.300.000 đồng

*(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai tỷ một trăm hai một triệu ba trăm ngàn đồng)*

Trụ sở chính : P405 tầng 4 Tòa nhà Ocean Park Số 1 Đào Duy Anh Q.Đống Đa TP Hà Nội

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty CP Vinalines logistics - Việt Nam tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty CP Vinalines logistics - Việt Nam tại Quảng Ninh;
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty CP Vinalines logistics - Việt Nam (TP Hà Nội);
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty CP Vinalines logistics - Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty CP Vinalines logistics - Việt Nam tại Lào Cai;
- Văn phòng đại diện Công ty CP Vinalines logistics - Việt Nam tại TP Móng Cái tỉnh Quảng Ninh.

#### 2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;  
Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa;

Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;

Cho thuê phương tiện, thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa;

Vận tải đa phương thức;

Vận tải hàng hóa, Container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ, đường sắt, đường biển;

Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;

Dịch vụ môi giới hàng hải;

Dịch vụ đại lý Container;

Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường bộ, đường sắt, đường hàng không;

Dịch vụ đại lý tàu biển;

Dịch vụ khai thuế Hải quan;

Giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất khẩu;

Lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh và kho khác;

Bốc xếp hàng hóa;

Dịch vụ Logistics;

---

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

**III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

**1.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ và công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

- \* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Thực tế đích danh).

---

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

**2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Tuy nhiên, năm 2011, công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng bán đến đâu, nhập đến đó, các mặt hàng không có biến động giảm giá.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

- Tài sản cố định của Công ty ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận khi chắc chắn có được lợi ích trong tương lai và nguyên giá của BĐS đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính****5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:** Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:** Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**5.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:** Không phát sinh**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

\* Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

\* Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

#### **8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

8.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

#### **9. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

#### **10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

10.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

---

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Doanh thu chính của đơn vị là doanh thu dịch vụ vận tải biển. Nhưng do đặc thù của ngành vận tải biển, mà đơn vị ghi nhận doanh thu bao gồm cả giá trị hàng hóa nhập và xuất quá cảnh, đồng thời đơn vị kết chuyển giá vốn đúng bằng doanh thu của hàng hóa đó.
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 10.2** Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**
- Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
- 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
  - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- 13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**
- Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.
  - Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam được thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản, chênh lệch tỷ giá được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và được xử lý theo hướng dẫn chi tiết tại Thông tư 179/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.
- 14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**
- 14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**
- Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- \* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
  - \* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
  - \* Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

---

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

**14.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

- Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- \* Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
  - \* Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.  
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**14.3 Các nghĩa vụ về thuế:**

- \* Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế thành phố Hà Nội. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài có lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- \* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- \* Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	12.587.341.679	17.949.100.805
- Văn phòng Công ty	670.228.081	251.287.844
- CN Cty CP Vinalines Logistics VN tại Hải Phòng	10.222.120.091	15.297.375.904
- CN Cty CP Vinalines Logistics VN tại Quảng Ninh	108.850.161	129.675.819
- CN Cty CP Vinalines Logistics VN tại Hồ Chí Minh	1.239.191.880	1.931.200.402
- CN Cty CP Vinalines Logistics VN tại Lào Cai	346.951.466	339.560.836
- Tiền gửi Ngân hàng	2.540.194.722	2.068.541.997
- <b>Tiền gửi đồng Việt Nam:</b>	<b>2.529.454.354</b>	<b>1.989.979.720</b>
- Ngân hàng Vietcombank	69.916.992	1.003.033.387
- Ngân hàng Nông Nghiệp	-	1.642.085
- Ngân hàng Hàng Hải_Sở giao dịch	10.773.410	10.537.796
- Ngân hàng Hàng Hải - Ký quỹ bảo lãnh	-	-
- Ngân hàng Sacombank	-	8.599.969
- Ngân hàng Hàng Hải_PGĐ Nam Hà Nội	1.738.615	1.700.590
- Ngân hàng Quốc tế_Sở giao dịch	2.324.844.532	766.841.521
- Ngân hàng HSBC_CN Hà Nội	-	197.624.372
- TG Kho bạc Nhà Nước Lào Cai	36.466.667	-
- TGNH Chi nhánh Hải Phòng	6.247.291	-
- TGNH Chi nhánh Quảng Ninh	1.022.121	-
- TGNH Chi nhánh Hồ Chí Minh	27.184.626	-
- TGNH Chi nhánh Lào Cai	51.260.100	-
- <b>Tiền gửi đồng ngoại tệ:</b>	<b>10.740.368</b>	<b>78.562.277</b>
- Ngân hàng Vietcombank	6.743.272	7.801.752
- Ngân hàng VIB_Sở giao dịch	2.936.539	69.702.568
- Ngân hàng Hàng Hải_PGĐ Nam HN	1049727	1.047.231
- Ngân hàng Hàng Hải_Sở giao dịch	10.830	10.726
<b>Cộng</b>	<b>15.127.536.401</b>	<b>20.017.642.802</b>

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội  
 Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
TG có kỳ hạn NH Vietcombank	1.100.000.000	11.000.000.000
Tổng cty Hàng Hải huy động vốn có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.100.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>3.1 Phải thu từ khách hàng</b>	<b>20.248.788.689</b>	<b>40.255.417.502</b>
- Khách hàng nội địa	9.481.032.327	10.038.921.339
- Khách hàng quốc tế	1.713.643.336	2.130.915.055
- Khách lẻ	4.900.000	60.004.759
- Khách hàng chuyển khẩu	9.049.213.026	28.025.576.349
<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>1.383.143.341</b>	<b>609.842.702</b>
Công ty TNHH Đầu tư Bách Hợp	7.900.000	-
Công ty CP tiếp vận Biển Đông	127.400.000	-
Công ty CP TV CN TB và Kế hoạch XD - CONINCO	30.000.000	30.000.000
Công ty vận tải hàng hoá đường sắt	-	161.134.800
Công ty TNHH Hanjin Shipping Việt Nam	646.309.441	-
Công ty CP đầu tư và phát triển Hạ Tầng HN	488.367.000	-
Maersk Viet Nam LTD	44.838.900	-
Công ty TNHH TM DV Phong Cách Việt	30.000.000	-
Công ty TNHH quảng cáo nội thất Sao Kim	8.008.000	8.008.000
Chi cục hải quan cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài	320.000	-
Công ty CP phát triển thương hiệu Trần Gia	-	13.200.000
Công ty TVXD công trình Hàng Hải	-	176.399.902
Công ty CP dịch vụ hàng hải Việt Hưng	-	221.100.000
<b>3.3 Phải thu khác</b>	<b>5.648.102.933</b>	<b>9.125.506.565</b>
- Các khoản phải thu khác	5.648.102.933	9.109.650.190
+ Công ty CP UD và CGCN Xây dựng (CJSC)	-	3.349.842.012
+ Thuế nhập khẩu hàng TNTX	2.751.728.711	4.985.591.265
+ Lãi NH tạm tính	-	98.388.888
+ Quỹ khen thưởng năm 2011 đã chi	-	159.020.848
+ Quỹ phúc lợi năm 2011 đã chi	-	515.006.224
+ Thu cước điện thoại vượt định mức	-	1.800.953
+ Công ty CP Đầu tư công trình HN-Công trình 9	1.124.794.423	-
+ Công ty CP - Công trình 6	1.092.413.132	-
+ Tổng Công ty Hàng Hải (Lãi món 5 tỷ)	679.166.667	-
- Dư nợ TK 3388:	-	15.856.375
<b>Cộng</b>	<b>27.280.034.963</b>	<b>49.990.766.769</b>
<b>4. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>4.1 Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>6.494.548.078</b>	<b>5.893.694.901</b>
<b>4.2 Thuế phải thu NN</b>	<b>1.081.316</b>	<b>19.119.389</b>
<b>4.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>15.652.038.027</b>	<b>1.878.799.003</b>
<b>Cộng</b>	<b>22.147.667.421</b>	<b>7.791.613.293</b>

(Các thuyết minh này là Bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012.

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>						
Số dư đầu năm	746.643.775	2.343.708.089	27.159.629.164	164.185.727	-	30.414.166.755
- Mua trong năm	-	-	14.253.262.684	714.969.099	-	14.968.231.783
- XDCB hoàn thành					-	-
- Tăng khác					-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	746.643.775	2.343.708.089	41.412.891.848	879.154.826	-	45.382.398.538
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	216.368.221	182.431.001	5.784.540.362	40.219.242	-	6.223.558.826
- Khấu hao trong năm	74.664.372	238.769.136	3.455.520.805	103.686.300	-	3.872.640.613
- Tăng khác					-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-
- Giảm khác			255.566.229		-	255.566.229
Số dư cuối kỳ	291.032.593	421.200.137	8.984.494.938	143.905.542	-	9.840.633.210
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>						
- Tại ngày đầu năm	530.275.554	2.161.277.088	21.375.088.802	123.966.485	-	24.190.607.929
- Tại ngày cuối năm	455.611.182	1.922.507.952	32.428.396.910	735.249.284	-	35.541.765.328

TSCĐ dùng để thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, ký cược: 8.335.000.000 đồng

TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng: Không

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11/11/2013

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6. Chi phí XDCB dở dang:</b>		
Công trình Lào Cai	55.332.635.904	58.500.540.619
Công trình Quảng Ninh	29.362.949.037	26.364.527.243
Dự án Láng Hòa Lạc	338.898.848	23.274.453
<b>Cộng</b>	<b>85.034.483.789</b>	<b>84.888.342.315</b>
<b>7. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đầu tư vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Vinalines HonDa Logistics VN	6.032.820.000	
<b>Cộng</b>	<b>7.032.820.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>8. Tài sản dài hạn khác:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước dài hạn	172.139.100	189.319.114
Ký quỹ dài hạn:	3.200.000.000	5.221.370.000
- NH TNHH một thành viên HSBC (VN)-CN HN	-	2.021.370.000
- Kho bạc NN tỉnh Lào Cai	2.000.000.000	2.000.000.000
- CN Công ty TNHH Maersk VN tại HP	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.372.139.100</b>	<b>5.410.689.114</b>
<b>9. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	-	<b>9.372.600.000</b>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - Sở giao dịch	-	9.372.600.000
<b>b. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9.372.600.000</b>
<b>10. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Bảo Việt Hải Phòng	319.093.600	-
Công ty TNHH An Ninh Mạng BKAV	-	11.479.758
Công ty Bảo Minh Thăng Long-Tổng Công ty CP Bảo Minh	176.861.454	-
Công ty CP UD và CGCN xây dựng CJSC	2.114.763.000	5.041.815.889
Công ty VTB Container Vinalines	286.500.000	443.200.000
Công ty CP Công Trình 6	1.007.000.179	-
Công ty CPĐT Trình HN-XNXD C.Trình 9	1.795.439.994	-
Công ty vận tải và dầu khí Diên Hồng	6.515.314.356	3.168.000.066
Công ty CP du lịch Hạ Long	36.144.000	17.735.000
Ga HP Công ty Vận tải hành khách đường sắt HN	9.680.000	13.200.000
Công ty vận tải hàng hoá đường sắt	429.226.900	-
Công ty TNHH 1 TV TMDV&XNK Hải Phòng	228.400.000	-
Ga Lào Cai	328.300.000	-
Công ty TNHH Giao Thông Vận Tải	43.418.000	149.504.000
Công ty CP DV kỹ thuật Cảng HP	64.941.800	192.338.190
Công ty TNHH TM và VT Nguyễn Xuân	20.487.000	20.487.000
Công ty CP bảo hiểm PJICO - CN Gia Định	192.090.500	-
Công ty CP TMDV Quốc Tuấn	-	279.026.737
Công ty CP Bảo Hiểm SHB Vinacomin	226.470.760	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

Tổng công ty Hàng Hải	1.413.135.255	840.453.341
Công ty CP vận tải I Traco	-	10.707.400
Công ty TNHH MTV VP cho thuê Trung Hiếu	15.046.900	-
Công ty TNHH vật tư vận tải Trường Giang	183.150.000	-
Công ty TNHH Tuấn Châu	-	17.160.000
Công ty TVXD công trình Hàng Hải	3.934.115	-
Công ty VTB Vinalines	-	12.913.360
Công ty TNHH DV bảo vệ Việt Thắng	19.800.000	19.600.000
Công ty CP hoá chất vật liệu điện Hải Phòng	361.599.217	-
Công ty CP tư vấn XDCT Hàng Hải	-	110.526.459
Công ty CP Vận tải biển và XNK Quảng Ninh	403.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.193.997.030</b>	<b>10.348.147.200</b>
<b>11. Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Đại Các	286.000.000	-
Công ty TNHH Hoa Phong	162.131.460	-
Công ty CP IMPAC	-	357.500
Công ty TNHH Khâm Thiên	-	540.000
Công ty CP sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines	950.000.000	500.000.000
Công ty Tường Nguyên	500.000	500.000
Công ty CP Vinafco - CN Miền Nam	-	1.493.000
Công ty TNHH Tejing Việt Nam	-	100.500.000
GUANG ZHOU YAO CHANG TRADING LIMITED	-	302.026.828
Khách lẻ HCM	82.870.000	82.870.000
Khách lẻ Mr. Thắng (K.lẻ CN HP)	-	11.000.000
Khách lẻ Mr. Thảo (K.lẻ CN HP)	-	4.350.000
Khách lẻ Tokyo P.KD	6.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.488.001.460</b>	<b>1.003.637.328</b>
<b>12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.236.221.390	1.881.887.439
Thuế thu nhập cá nhân	17.670.125	4.500.000
Thuế GTGT phải nộp	-	28.283.204
Thuế nhập khẩu (Hàng tạm nhập tái xuất)	2.751.728.711	4.985.591.265
<b>Cộng</b>	<b>5.005.620.226</b>	<b>6.900.261.908</b>
<b>13. Phải trả công nhân viên</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả công nhân viên	547.910.319	482.000.000
<b>Cộng</b>	<b>547.910.319</b>	<b>482.000.000</b>
<b>14. Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lãi vay phải trả	-	164.020.500
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>164.020.500</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	42.616.000	111.835.962
- Bảo hiểm xã hội	4.980.000	11.278.082
- Bảo hiểm y tế	13.725.736	3.020.832
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.642.060	62.827.129
- Các khoản phải trả phải nộp khác	7.115.089.796	2.013.724.081
+ Tiền điện phải trả TCT Hàng Hải	77.692.702	5.750.149
+ Phải trả thù lao HĐQT, BKS	246.000.000	181.750.000
+ Phải trả khác	102.533.613	265.684.970
+ Phải trả về cổ tức cho cổ đông	6.170.708.962	1.560.538.962
+ Các khoản ủng hộ	22.350.000	-
+ Thuế TNCN tạm thu năm 2012 của Công ty	273.386.167	-
+ Phải trả phải nộp thuế TNCN của lái xe cont	222.418.352	-
<b>Cộng</b>	<b>7.199.053.592</b>	<b>2.202.686.086</b>
16. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay dài hạn	14.474.919.738	21.424.752.210
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - Sở giao dịch	14.474.919.738	21.424.752.210
b. Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.474.919.738</b>	<b>21.424.752.210</b>

Vay theo HĐTD số: 1729/HDDTD2-VIB12/09 ngày 31/12/2009 theo đó số tiền vay là 25.000.000.000 VND.

Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất vay thả nổi và áp dụng từng thời điểm giải ngân.

Mục đích vay là đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị giai đoạn 1 dự án cảng nội địa ICD Lào Cai.

Thời hạn rút vốn theo kế hoạch giải ngân của dự án.

Hình thức giải ngân: Chuyển khoản

Phương thức trả nợ:

Trả nợ gốc: hàng quý, chi tiết theo từng kế ước nhận nợ

Trả nợ lãi: Vào ngày 10 hàng tháng

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

**17. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>142.121.300.000</b>	<b>4.258.474.409</b>	<b>868.017.314</b>	<b>181.388.371</b>	<b>147.451.023</b>	-	<b>11.326.048.174</b>	<b>158.902.679.291</b>
- Tăng vốn trong năm trước	679.000.000	-	-	-	-	-	-	679.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.932.207.258	7.932.207.258
- Tăng khác	-	910.818.929	342.379.131	223.153.853	1.765.464.229	-	-	3.241.816.142
- Giảm vốn trong năm trước	679.000.000	-	-	-	-	-	-	679.000.000
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	350.776.569	815.323.669	500.000.000	11.118.721.627	12.784.821.865
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>142.121.300.000</b>	<b>5.169.293.338</b>	<b>1.210.396.445</b>	<b>53.765.655</b>	<b>1.097.591.583</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>8.139.533.805</b>	<b>157.291.880.826</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>142.121.300.000</b>	<b>5.169.293.338</b>	<b>1.210.396.445</b>	<b>53.765.655</b>	<b>1.097.591.583</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>8.139.533.805</b>	<b>157.291.880.826</b>
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	9.288.180.656	9.288.180.656
- Tăng khác	980.000.000	-	51.673.440	200.000.000	1.512.178.316	-	-	2.743.851.756
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	980.000.000	-	-	3.318.181	2.609.769.899	-	8.288.533.805	11.881.621.885
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>142.121.300.000</b>	<b>5.169.293.338</b>	<b>1.262.069.885</b>	<b>250.447.474</b>	<b>-</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>9.139.180.656</b>	<b>157.442.291.353</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội  
 Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2012

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn đầu tư của Nhà nước	80.616.200.000	80.616.200.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	61.505.100.000	61.505.100.000
<b>Cộng</b>	<b>142.121.300.000</b>	<b>142.121.300.000</b>
<b>C. Các quỹ doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Quỹ đầu tư phát triển	5.169.293.338	5.169.293.338
Quỹ dự phòng tài chính	1.262.069.885	1.210.396.445
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)</b>		
<b>18. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.288.440.791.978	2.295.011.698.663
<b>Cộng</b>	<b>3.288.440.791.978</b>	<b>2.295.011.698.663</b>
<b>19. Các khoản giảm trừ doanh thu (Không có số liệu)</b>		
<b>20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.288.440.791.978	2.295.011.698.663
<b>Cộng</b>	<b>3.288.440.791.978</b>	<b>2.295.011.698.663</b>
<b>21. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.273.370.666.024	2.286.186.961.573
<b>Cộng</b>	<b>3.273.370.666.024</b>	<b>2.286.186.961.573</b>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.509.445.070	8.531.212.774
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.446.458.418	-
<b>Cộng</b>	<b>2.955.903.488</b>	<b>8.531.212.774</b>
<b>23. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí lãi vay	625.970.363	611.917.662
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	1.529.217	955.200
<b>Cộng</b>	<b>717.499.580</b>	<b>612.872.862</b>
<b>24 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.421.500.898	2.604.188.494
Chi phí vật liệu quản lý	93.294.709	80.314.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.473.447	68.329.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.542.506	138.104.256
Thuế, phí, lệ phí	878.945.572	1.895.619.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.086.818.988	852.164.887
Chi phí bằng tiền khác	699.292.806	521.553.624
<b>Cộng</b>	<b>5.455.868.926</b>	<b>6.160.274.848</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội  
 Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2012

25. Thu nhập khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập khác	101.596.164	16.206.000
<b>Cộng</b>	<b>101.596.164</b>	<b>16.206.000</b>
26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.666.076.444	2.644.069.086
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.666.076.444	2.644.069.086
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.288.180.656	7.932.207.258
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.288.180.656	7.932.207.258
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.212.130	14.212.130
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	654	558

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (ĐVT: VND)**

	Năm nay
* Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (MS01)	189.426.963.306
Thu nợ cũ	20.490.992.945
Thu tiền bán hàng trong năm	168.935.970.361
* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (MS02)	(62.521.196.934)
Trả cho người cung cấp hàng hóa	-
Trả cho người cung cấp dịch vụ	(62.521.196.934)
* Tiền chi trả lãi vay (MS04)	
Tổng lãi vay phải trả	(4.180.843.118)
Trong đó: Lãi vay trong kỳ	(625.970.363)
Lãi vay được vốn hóa	(3.554.872.755)
Số đã trả	(4.180.843.118)
Số còn phải trả	
* Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (MS21)	(774.976.583)
Chi mua kỳ trước	(88.445.759)
Chi mua kỳ này	(686.530.824)
Chi mua kỳ sau	
* Tiền chi trả nợ gốc vay (MS34)	(16.322.432.472)
Trả vay ngắn hạn	(9.372.600.000)
Trả vay dài hạn	(6.949.832.472)
* Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (MS36)	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM**

Địa chỉ: P405 Tòa nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Hà Nội

Điện thoại: 04.577 2045 - Fax: 04.5772046

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2012

Phân phối trong năm	<b>8.139.533.805</b>
Trích các quỹ	1.033.468.805
Cổ tức cho cổ đông	7.106.065.000

**VIII. Những thông tin khác****1. Công cụ tài chính:****1.1 Quản lý rủi ro vốn:**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	15.127.536.401	15.127.536.401
- Tương đương tiền		
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	27.280.034.963	27.280.034.963

**1.2 Công nợ tài chính:**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả cho người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**Số dư ngày 31/12/2012**

- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn:	14.474.919.738
- Phải trả người bán:	16.193.997.030

**1.3 Quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng hóa, container bằng đường biển, đường bộ và đường sắt. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ thị trường vận tải quốc tế do suy thoái kinh tế. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện duy trì các khách hàng lớn, phát triển các khách hàng tiềm năng phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá phí dịch vụ khi có biến động lớn.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 31/12/2012:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<b>Đối tượng</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải trả người bán	16.193.997.030	-	16.193.997.030
Vay ngắn hạn	-	-	-
Vay dài hạn	-	14.474.919.738	14.474.919.738

**1.4 Tài sản đảm bảo**

**Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vốn ngân hàng, cụ thể như sau:**

Vay theo HĐTD số: 1729/HDDTD2-VIB12/09 ngày 31/12/2009 theo đó số tiền vay là 25.000.000.000 VND.

Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất vay thả nổi và áp dụng từng thời điểm giải ngân.

Mục đích vay là đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị giai đoạn 1 dự án cảng nội địa ICD Lào Cai.

Thời hạn rút vốn theo kế hoạch giải ngân của dự án.

Hình thức giải ngân: Chuyển khoản

Phương thức trả nợ:

Trả nợ gốc: hàng quý, chi tiết theo từng kế ước nhận nợ

Trả nợ lãi: Vào ngày 10 hàng tháng

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

**2.1 Giao dịch phát sinh với Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam**

	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm nay</b>
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	<b>580.777.779</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ	580.777.779
- Mua hàng hoá, dịch vụ	-	<b>917.039.414</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ	917.039.414

**2.2 Công nợ với Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam**

	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
* Các khoản phải thu		<b>679.166.667</b>	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ	679.166.667	-
* Các khoản phải trả		<b>77.692.702</b>	<b>5.750.149</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ	77.692.702	5.750.149

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**6. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	64,96%	55,18%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	35,04%	44,82%
<b>1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	21,92%	24,84%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	78,08%	75,16%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	4,56	4,02
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2,38	3,08
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,51	0,66
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0,36%	0,46%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,28%	0,35%
<b>3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	5,93%	5,05%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	4,61%	3,79%

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quý Quyền

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi